

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 02 năm 2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Đinh Tiên Viễn

2. Ông: Phạm Văn Ký

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 02 năm 2018 tại phòng xét xử. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về “ Tranh chấp ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 /2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐH-PT ngày 23 tháng 1 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đông S, thành phố T, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Mai Văn V (Vắng mặt)

Địa chỉ : Xóm 2, thôn Quảng C, xã Yên T, huyện Yên M, tỉnh Ninh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Mai Văn V tự do tìm hiểu, hai bên hoàn toàn tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Trung S, thành phố T vào năm 2014. Sau ngày cưới được thời gian rất ngắn khoảng gần 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh V yêu cầu chị N về gia đình bố mẹ đẻ ở Yên T, huyện Yên M sinh sống và nuôi đứa con riêng của anh ấy. Hơn nữa trong vòng 1 tháng, sau khi cưới anh V không chịu khó làm ăn thường xuyên chơi bời, chị N khuyên nhủ nhưng anh V không

thay đổi. Do góp ý với anh V không được, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, hai bên đã ly thân nhau từ đó, hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, nay chị N xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể đoàn tụ, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N làm đơn xin ly hôn anh V.

Về con chung: Chị N và anh V không có con chung, nên không đề nghị Tòa án xem xét.

Về chia tài sản chung và công nợ: Chị N và anh V không có tài sản chung do đó không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với anh V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã làm các thủ tục thông báo thụ lý vụ án. Thông báo phiên Hòa giải cũng như việc đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh V không hợp tác, không lên Tòa án làm việc, cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng quy theo pháp luật về Tố tụng dân sự.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương về quá trình chung sống của vợ chồng anh V, chị N thể hiện anh V, chị N kết hôn vào năm 2014. Sau ngày cưới vợ chồng anh V lên thành phố Tam Điệp sinh sống, hiện vợ chồng anh V chị N không có con. Anh V có làm thủ tục chuyển khẩu lên thành phố Tam Điệp sau đó anh V lại nhập khẩu lại, trong hộ khẩu của gia đình anh V có anh V, vợ cũ của anh V và cháu Mai Hoàng N là con của anh V. Nay chị N xin ly hôn quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến: Về những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước phiên tòa; Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 - 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị N xử cho chị N được Ly hôn với anh Mai Văn V; chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại phiên không hòa giải được và công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh V có hộ khẩu tại xã Yên Thái, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Yên Mô giải quyết, theo Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị N và anh Mai Văn V xây dựng gia đình với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.

Nay chị N xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin được ly hôn, được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (luật số 07/2014/L – CTN ngày 26/6/2014)

[3] Chị Vũ Thị N kết hôn với anh Mai Văn V vào năm 2014, sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau được thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được tiếng nói chung để giải quyết mâu thuẫn, dẫn tới hai vợ chồng ly thân, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ của mình để ở tại thôn 1, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp và sinh sống từ đó cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm đến nhau, anh V thường xuyên đi chơi, không ở nhà nên khả năng đoàn tụ vợ chồng không có. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án xuống xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh V làm nghề bán hàng đa cấp, thường cứ đi 2 ba ngày mới về nhà ở xã Yên Thái, gọi điện thoại vẫn nghe, nhưng báo lên làm việc giải quyết vụ việc thì anh V không hợp tác. Việc chị N trình bày vợ chồng mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng ly thân gần 3 năm nay là hoàn toàn đúng, hai bên không còn quan tâm đến đời sống chung của nhau, do đó mục đích của cuộc hôn nhân không còn. Việc chị N làm đơn xin ly hôn anh V là có căn cứ về mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị N ly hôn với anh V căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị N và anh V không có con chung nên không phải xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không có tài sản chung nên không phải xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12 -2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chị Vũ Thị N ly hôn với anh Mai Văn V.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nhài đã nộp theo biên lai số: AA/2016/0001953 ngày 16/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô tỉnh Ninh

Bình.

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THAD huyện Yên Mô;
- UBND phường Trung Sơn, Tam Điệp;
- UBND xã Yên Thái, huyện Yên Mô;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký
Phan Ngọc Hà